

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện Quý I năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.868.710	933.013	32,52%	120,96%
I	Thu cân đối NSNN	2.868.710	833.505	29,06%	120,32%
1	Thu nội địa	2.868.710	833.505	29,06%	120,32%
2	Thu viện trợ	-	-	-	-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	99.508	-	-
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.897.588	364.078	19,19%	103,52%
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	1.897.588	364.078	19,19%	103,52%
1	Chi đầu tư phát triển	596.399	136.471	22,88%	80,47%
2	Chi thường xuyên	1.266.497	227.608	17,97%	124,98%
3	Dự phòng ngân sách	34.692	-	-	-
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	-	-	-	-

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện Quý I năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.868.710	833.504	29,06%	120,32%
I	Thu nội địa	2.868.710	833.504	29,06%	120,32%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	-	-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.790.270	599.597	33,49%	139,73%
4	Thuế thu nhập cá nhân	180.870	43.256	23,92%	110,46%
5	Thuế bảo vệ môi trường	-	-		
6	Lệ phí trước bạ	150.600	28.910	19,20%	88,46%
7	Thu phí, lệ phí	28.270	16.147	57,12%	86,43%
8	Các khoản thu về nhà, đất				
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	23.000	1.594	6,93%	95,22%
-	Thu tiền sử dụng đất	550.000	113.197	20,58%	82,27%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	113.200	21.735	19,20%	112,49%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	-	
10	Thu khác ngân sách	32.500	9.069	27,90%	62,41%
11	Thu từ quy định công ích, hoa lợi công sản khác	-	-	-	
II	Thu viện trợ	-	-	-	
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.494.420	379.074	25,37%	107,59%
1	Từ các khoản thu phân chia	366.610	132.176	36,05%	147,89%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	1.127.810	246.898	21,89%	93,90%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện Quý I năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.897.588	364.078	19,19%	103,52%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.897.588	364.078	19,19%	103,52%
I	Chi đầu tư phát triển	596.399	136.471	22,88%	80,47%
1	Chi đầu tư cho các dự án	596.399	136.471	22,88%	80,47%
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-
II	Chi thường xuyên	1.266.497	227.608	17,97%	124,98%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	563.853	118.727	21,06%	135,68%
2	Chi khoa học và công nghệ	800	-	-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	62.761	7.706	-	-
4	Chi văn hóa thông tin	19.892	3.026	15,21%	107,18%
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.060	434	40,94%	485,00%
6	Chi thể dục thể thao	3.349	454	13,56%	99,07%
7	Chi bảo vệ môi trường	107.100	6.319	5,90%	374,05%
8	Chi hoạt động kinh tế	138.520	10.019	7,23%	56,20%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	249.121	55.065	22,10%	129,03%
10	Chi bảo đảm xã hội	96.895	19.547	20,17%	100,71%
III	Dự phòng ngân sách	34.692	-	-	-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	-	-
1	Chương trình mục tiêu	-	-	-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-	-	-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	-	-	-	-